

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ- ST

Ngày 29-6-2023

V/v ly hôn, nuôi con
chung sau khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu

- Ông Hoàng Đình Văn

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30-5-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13-6-2023 giữa;

Nguyên đơn: Chị Nông Thị Q, sinh năm 1989- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Lương Văn V, sinh năm 1983- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị Q trình bày: Chị Q và anh Lương Văn V kết hôn với nhau ngày 12-5-2008, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị Q và anh V đã sống ly thân từ đầu năm

2022. Chị Q xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị Q và anh V có hai con chung tên là Lương Thị Hồng T, sinh ngày 06-3-2010 và Lương Văn Đ, sinh ngày 29-7-2015. Sau khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lương Thị Hồng T, nhất trí để anh V trực tiếp nuôi cháu Lương Văn Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh V vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 71, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị Q được ly hôn anh V; giao cháu Lương Thị Hồng T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lương Văn Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con, chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Nông Thị Q và anh Lương Văn V kết hôn với nhau ngày 12-5-2008, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã M, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị Q và anh V đã sống ly thân từ đầu năm 2022. Tại phiên tòa chị Q vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt chị Q xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Về phía anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do. Mặc dù anh V biết việc chị Q xin ly hôn, nhưng anh V không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 24-5-2023 ở Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y nơi chị Q và anh V cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Q và anh V do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị Q và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị Q được ly hôn anh V.

[4] *Về con chung*: Chị Q và anh V có hai con chung, tên là Lương Thị Hồng T, sinh ngày 06-3-2010 và Lương Văn Đ, sinh ngày 29-7-2015. Tại phiên tòa chị Q vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị Q vẫn giữ nguyên nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lương Thị Hồng T, nhất trí để anh V trực tiếp nuôi cháu Lương Văn Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc nuôi con chung anh V đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh V biết được yêu cầu nuôi con chung của chị Q nhưng anh V không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 26-6-2023 ở Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y nơi anh V và chị Q sinh sống cũng xác nhận: Trước khi chị Q có yêu cầu xin ly hôn anh V, cháu T và cháu Đ ở cùng chị Q. Từ khi Tòa án nhân dân huyện Lục Yên thụ lý giải quyết việc chị Q xin ly hôn, giữa chị Q và anh V thỏa thuận chị Q trực tiếp nuôi cháu T, anh V trực tiếp nuôi cháu Đ. Đầu tháng 6-2023 anh V đón cháu Đ về ở cùng bố mẹ đẻ anh V là ông Lương Văn A, chị Q đưa cháu T về ở cùng bố mẹ đẻ chị Q ông Nông Văn T. Anh V đi làm công ty ở Bình Xuyên vĩnh phúc có mức thu nhập từ 06 triệu đến 07 triệu đồng/tháng; chị Q đi làm công ty ở Bắc ninh cũng có mức thu nhập từ 06 triệu đến 07 triệu đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu T đang ở cùng chị Q, cháu T có nguyện vọng muốn được ở cùng chị Q, cháu Đ đang ở cùng anh V, nguyện vọng của cháu Đ muốn ở cùng anh V. Chị Q và anh V cùng có đủ điều kiện, khả năng về nuôi con như nhau. Do đó cần giao cho chị Q và anh V mỗi người nuôi một người con là phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp pháp luật, phù hợp với thực tế. Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Nông Thị Q được ly hôn anh Lương Văn V

2- *Về con chung xử*: Giao cháu Lương Thị Hồng T, sinh ngày 06-3-2010 cho chị Nông Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lương Văn Đ, sinh ngày 29-7-2015 cho anh Lương Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- *Về án phí*: Chị Nông Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0003557 ngày 10-5-2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- *Quyền kháng cáo*: Chị Nông Thị Q, anh Lương Văn V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh